TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** TỈNH ĐẮK LẮK Bản án số:175/2024/HNGĐ-ST Ny 09-09-2024 V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Vĩ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hưng

2. Ông Phan Đức Lý

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Ông Đào Anh Vũ- Kiểm sát viên.

Ny 09/09/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐắkLắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:558/2024/HNGĐ Ny 17 tháng 06 năm 2024 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2024/QĐXX-ST Ny 02 tháng 08 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 129/2024/QĐST-HNGĐ Ny 20/8/2024 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Bùi Thị N-sinh năm: 1990(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: xã Lộc T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

-Bị đơn: Ông Nguyễn Anh T-sinh năm 1992(Vắng mặt)

Địa chỉ: 21/9/87 N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1].Theo đơn ly hôn, bản tự khai nguyên đơn bà Bùi Thị N trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Anh T đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào Ny 10/8/2013 tại UBND xã Buôn Choah, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông(Sống chung trước khi đăng ký kết hôn).

Quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm hay cãi vã nhau, nặng lời xúc phạm đến nhau, ông T không quan tâm đến gia đình mặc dù tôi đã khuyên can nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nay mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống với nhau được và xác định tình cảm vợ chồng là không còn. Nên tôi yêu cầu Tòa án xin được ly hôn với ông Nguyễn Anh T.

-Về con chung: Tôi và ông Nguyễn Anh T có 02 con chung là: Cháu Nguyễn Thị Hồng N- sinh Ny: 19/9/2010 và cháu Nguyễn Hữu P-sinh Ny: 19/9/2014. Cháu N đang ở với tôi, còn cháu P đang ở với ông T từ năm 2019 đến nay.

Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng N- sinh Ny: 19/9/2010 đến tuổi trưởng thành. Tôi đồng ý giao cháu Nguyễn Hữu P-sinh Ny: 19/9/2014 cho ông Nguyễn Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến năm 18 tuổi.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

-Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và ông T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2].Đối với bị đơn ông Nguyễn Anh T: Tòa án đã T hành thông báo triệu tập hợp lệ nhưng ông Nguyễn Anh T không lên Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai.

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật còn bị đơn chưa chấp hành đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Bùi Thị N và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Cho bà Bùi Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Anh T.

-Về con chung: Giaocháu Nguyễn Thị Hồng N- sinh Ny: 19/9/2010 cho bà Bùi Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi thành niên(18 tuổi) và giao cháu Nguyễn Hữu P-sinh Ny: 19/9/2014 cho ông Nguyễn Anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (18 tuổi).

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Bùi Thị N và ông Nguyễn Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Thị N và ông Nguyễn Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

-Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Bùi Thị N và bị đơn ông Nguyễn Anh T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm

a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Anh T hiện nay sinh sống tại 21/9/87 Nguyễn An Ninh, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông Nguyễn Anh T không lên Tòa án làm việc không có lý do, không có ý kiến trình bày tiếp theo về các nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị N; không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án không T hành hòa giải được và đã phải hoãn phiên tòa lần đầu vào Ny 20 tháng 8 năm 2024. Tại phiên tòa hôm nay, ông T vẫn vắng mặt là thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, do đó Tòa án vẫn T hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định.

[2] Hôn nhân giữa Bà Bùi Thị N và ông Nguyễn Anh T là hợp pháp; trong thời gian chung sống, có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, không tin tưởng đến nhau nên sinh nghi ngờ dẫn đến cãi vã, hai bên đã hòa giải, hàn gắn nhưng không thành, tiếp tục mâu thuẫn, từ lâu cuộc sống vợ chồng sống ly thân và không còn ai quan tâm chăm sóc đến nhau. Như vậy, giữa bà Bùi Thị N và ông Nguyễn Anh T không còn tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình; từ đó vợ chồng bà Bùi Thị N và ông Nguyễn Anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đây là căn cứ cho ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Bùi Thị N và ông Nguyễn Anh T có 02 con chung là: Cháu Nguyễn Thị Hồng N- sinh Ny: 19/9/2010 và cháu Nguyễn Hữu P-sinh Ny: 19/9/2014. Cháu N hiện nay ở với bà N và cháu P đang ở với ông T.

Xét nguyện vọng của bà N là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Thị Hồng N- sinh Ny: 19/9/2010 đến khi thành niên và đồng ý giao cháu Nguyễn Hữu P-sinh Ny: 19/9/2014 cho ông Nguyễn Anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên vì điều kiện thời gian và thu nhập có hạn không đủ điều kiện một lúc nuôi 02 cháu. Xét nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Hồng N- sinh Ny: 19/9/2010 là muốn ở với mẹ và cháu Nguyễn Hữu P-sinh Ny: 19/9/2014 là được muốn ở với ông T. Xét đây là nguyện vọng chính đáng của bà N và các cháu N và cháu P, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận nên cần giao cháu Nguyễn Thị Hồng N- sinh Ny: 19/9/2010 cho bà Bùi Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên và giáo cháu Nguyễn Hữu P-sinh Ny: 19/9/2014 cho ông Nguyễn Anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (18 tuổi).

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Bùi Thị N và ông Nguyễn Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Thị N và ông Nguyễn Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[6]. Về án phí bà Bùi Thị N là người yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự và điểm a

khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 Ny 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khỏan 1 Điều 39; Điều 146; điểm a khoản 1 Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 Ny 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Bùi Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Bùi Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Anh T.

2. Về con chung: -Giao cháu Nguyễn Thị Hồng N- sinh Ny: 19/9/2010 cho bà Bùi Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ tuổi thành niên(18 tuổi).

- Giao cháu Nguyễn Hữu P-sinh Ny: 19/9/2014 cho ông Nguyễn Anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu P tuổi thành niên (18 tuổi).

Bà Bùi Thị N và ông Nguyễn Anh T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Bùi Thị N và ông Nguyễn Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Thị N và ông Nguyễn Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà N đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 00012968 Ny 14/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột.Ông Nguyễn Anh T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 Ny kể từ Ny nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nơi nhận:
-P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND TP.BMT;
-CCTHADS TP.BMT;
-UBND xã Buôn Choah, h Krông Nô, T.

Đăk Nông
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Phạm Văn Vĩ